

Số: 08/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	30M ₁ 01/16	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	14/03/2016 9g45-10g00	Trần Quang Vinh
2	31B09/16	Bể Chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	14/03/2016 9g30-9g45	
3	31M ₁ 09/16	Nhà Làm Việc - Cảng Vũng Rô			14/03/2016 9g45-10g00	
4	32M ₁ 01/16	Cục Thống Kê Tỉnh		Phạm Thị Luyện	14/03/2016 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	32M ₂ 01/16	110 Nguyễn Huệ			14/03/2016 9g00-9g15	
6	32M ₃ 01/16	Khu tái định cư Ninh Tịnh			14/03/2016 9g30-9g45	
7	33B01/16	Bể Chứa NMN Tuy Hòa			14/03/2016 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				30M ₁ 01/16	31B09/16	31M ₁ 09/16	32M ₁ 01/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.98	7.14	7.10	6.96
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.56	0.75	0.72	0.52
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.04	0.08	0.07	0.02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.51	12.79	13.14	17.18
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42.88	17.36	16.85	42.88
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	8.50	11.10	11.20	8.70
10	Mùi vị ^(*)	không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5.30	KPH	KPH	4.70
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.00	4.10	4.10	9.60
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.26	0.32	0.32
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.44	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				32M ₂ 01/15	32M ₃ 01/15	33B01/15	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.93	6.97	6.96	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.53	0.54	0.47	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.02	0.02	0.03	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.84	17.51	17.18	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	43.39	42.88	42.37	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4.70	5.00	5.00	
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	5.20	5.30	6.50	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9.60	9.60	9.80	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.45	0.39	0.39	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0.53	

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Bộ Phận Hóa Nghiệm

Phòng Kỹ Thuật



Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân